

Số: /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

**Công bố danh mục địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng năm 2026**

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Bộ Luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ và Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 28/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 quy định kỹ thuật đánh giá chất nạo vét và xác định khu vực nhận chìm chất nạo vét ở vùng biển Việt Nam; số 23/2022/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng

*Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật đánh giá chất nạo vét và xác định khu vực nhận chìm chất nạo vét ở vùng biển Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 366/TTr-SNNMT ngày 15 tháng 5 năm 2026.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố danh mục khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng năm 2026 (*chi tiết tại Phụ lục đính kèm*).

### **Điều 2.** Tổ chức thực hiện

#### 1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Công bố công khai địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố năm 2026 trên cổng thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

b) Trước ngày 15 tháng 5 hàng năm, rà soát, cập nhật bổ sung nếu có thay đổi so với khu vực, địa điểm đã được công bố, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố quyết định công bố bổ sung.

c) Là đơn vị đầu môi tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận địa điểm tiếp nhận chất nạo vét của các cá nhân, tổ chức có nhu cầu; căn cứ đặc điểm chất nạo vét và khả năng sử dụng chất nạo vét đối với từng khu vực, địa điểm được công bố báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét chấp thuận từng trường hợp cụ thể, đảm bảo tuân thủ các quy định, quy hoạch hiện hành.

d) Phối hợp cùng các Sở, ngành: Xây dựng, Cảng vụ Hàng hải Hải Phòng, Công an thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng - Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố, Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng và chính quyền địa phương nơi thi công và đổ chất nạo vét thực hiện kiểm tra, giám sát các chủ đầu tư, nhà thầu thi công, đơn vị quản lý địa điểm tiếp nhận trong quá trình thực hiện nạo vét và đổ chất nạo vét theo quy định.

#### 2. Các Sở, ban, ngành có liên quan

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành và chủ động phối hợp cùng Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc giải quyết đề nghị tiếp nhận chất nạo vét trên địa bàn thành phố; giám sát công tác nạo vét, đổ chất nạo vét trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

#### 3. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu trên địa bàn thành phố

a) Chịu trách nhiệm giám sát hoạt động nạo vét, đổ chất nạo vét trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

b) Kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh về đất đai, xây dựng, môi trường, giao thông đối với các địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của địa phương; báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố (thông qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) giải quyết các vướng mắc vượt thẩm quyền (nếu có).

#### 4. Đơn vị quản lý địa điểm tiếp nhận chất nạo vét

a) Hoàn thiện các thủ tục pháp lý về quy hoạch, đất đai, xây dựng, môi trường và các điều kiện thi công theo quy định.

b) Chỉ được tiếp nhận chất nạo vét của các công trình đã được Ủy ban nhân dân thành phố có văn bản chấp thuận.

c) Không được tiếp nhận chất nạo vét vượt quá trữ lượng, phạm vi diện tích và giới hạn cao độ đổ theo công bố.

d) Chủ động đánh giá khả năng sử dụng chất nạo vét; chịu trách nhiệm đảm bảo đê quây tại vị trí tiếp nhận chất nạo vét luôn chắc chắn, tuyệt đối không để tràn, đổ chất nạo vét ra ngoài; có biện pháp lưu giữ hoặc xử lý chất nạo vét đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường xung quanh.

đ) Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để tràn, đổ chất nạo vét ra ngoài phạm vi diện tích khu vực tiếp nhận hoặc đổ quá giới hạn cao độ đổ được công bố gây thiệt hại đến môi trường.

e) Rà soát kỹ lưỡng phương án tài chính của dự án; thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính phát sinh (nếu có) và tuân thủ các quy định pháp luật về đầu tư, tài chính trong quá trình tiếp nhận, xử lý chất nạo vét.

f) Sau khi kết thúc tiếp nhận chất nạo vét của công trình, có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố (thông qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) về khối lượng và vị trí lưu giữ chất nạo vét.

g) Khi cơ quan có thẩm quyền ban hành phương án, tiêu chuẩn và các điều kiện cần thiết để có thể tận dụng sản phẩm nạo vét vào mục đích san lấp, xây dựng, phải chủ động đăng ký khối lượng sử dụng chất nạo vét làm vật liệu san lấp, xây dựng và thực hiện các nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

h) Trước ngày 30 tháng 4 hàng năm, rà soát, cập nhật bổ sung nếu có thay đổi so với khu vực, địa điểm đã được công bố, báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố quyết định công bố bổ sung.

#### 5. Chủ đầu tư, nhà đầu tư có nhu cầu đổ chất nạo vét

a) Căn cứ danh mục địa điểm tiếp nhận chất nạo vét tại Quyết định này, các chủ đầu tư, nhà đầu tư có nhu cầu đổ chất nạo vét lựa chọn khu vực, địa điểm phù hợp với dự án, công trình của mình; lập phương án thi công, vận chuyển, đổ chất nạo vét trong đó xác định rõ khối lượng chất nạo vét cần đổ đảm bảo an toàn giao

thông, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật có liên quan; gửi hồ sơ đề nghị cho Sở Nông nghiệp và Môi trường (*qua Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố*) để chủ trì thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận địa điểm tiếp nhận chất nạo vét đối với từng trường hợp cụ thể đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

b) Chỉ được phép đổ chất nạo vét vào địa điểm tiếp nhận sau khi hoàn thiện đầy đủ các thủ tục về bảo vệ môi trường, xây dựng, an toàn hàng hải, an toàn đường thủy nội địa, an toàn giao thông và các thủ tục khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

c) Phối hợp với nhà thầu thi công, đơn vị quản lý bãi chứa lập phương án thi công đổ chất nạo vét; thường xuyên kiểm tra, gia cố đê quây khu vực bãi chứa đảm bảo chắc chắn trước và trong quá trình thi công; không được đổ vượt ra ngoài diện tích, quá cao độ đã công bố khi bơm chất nạo vét vào khu vực tiếp nhận.

d) Phối hợp với nhà thầu thi công chịu trách nhiệm tổ chức thi công nạo vét, vận chuyển và đổ chất nạo vét lên bãi chứa đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường, an ninh, an toàn hàng hải, an toàn đường thủy nội địa theo đúng quy định pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thi công.

đ) Thực hiện nghiêm các yêu cầu đối với công tác thi công, đổ chất nạo vét quy định tại Điều 5 Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20/5/2024 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa; thông báo thời gian, tiến độ thi công, quy mô công trình, chủng loại và số lượng phương tiện thi công, hình thức thực hiện đến Cảng vụ Hàng hải Hải Phòng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, chính quyền địa phương nơi thi công và đổ chất nạo vét theo quy định.

e) Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về hoạt động bảo vệ môi trường và quy định về quản lý chất nạo vét theo quy định tại Điều 6, Điều 8 Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20/5/2024; bàn giao lại khu vực, địa điểm tiếp nhận, khối lượng chất nạo vét cho đơn vị quản lý bãi chứa để quản lý và có biện pháp lưu giữ hoặc xử lý chất nạo vét đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường xung quanh, báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

f) Thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật khác có liên quan.

g) Các chủ đầu tư, nhà đầu tư công trình nạo vét đã được Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận khối lượng và địa điểm đổ chất nạo vét vào các địa điểm được công bố tại Quyết định số 2427/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 được tiếp tục đổ vào các vị trí đã chấp thuận cho đến khi hoàn thành công trình nếu địa điểm đó còn đủ điều kiện tiếp nhận theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Quyết định số 2427/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố công bố danh mục địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố năm 2025 chấm dứt hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu: Hải An, Đông Hải, Cát Hải và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Chủ tịch;
- PCT TT Lê Anh Quân;
- PCVP Phạm Anh Tuấn;
- Các phòng: NNMT, XDCT, NVKTGS;
- Lưu: VT, T.L.Khiết.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Anh Quân**

**Phụ lục:**  
**DANH MỤC CÁC ĐỊA ĐIỂM ĐỔ CHẤT NẠO VẾT TRÊN BỜ NĂM 2026**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026*  
*của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)*

STT	Địa điểm đổ chất nạo vét		Tọa độ các điểm góc (*)		Giới hạn cao độ đổ	Diện tích (ha)	Trữ lượng tiếp nhận (m <sup>3</sup> )
			X (m)	Y(m)			
1	Khu CN5		2299961.64	607777.56	+4.0 m (cao độ hải đồ)	52	780.579
			2299136.77	608438.74			
2299143.65			608738.79				
2299991.51			608707.82				
1	Khu vực Dự án đầu tư XD và KD cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Nam Đình Vũ-DEEP C2A	Khu CN4,6	2300333.79	607056.70	+4.0 m (cao độ hải đồ)	90	2.248.956
			2298933.52	608192.21			
			2298807.85	608390.70			
			2298765.23	608573.85			
			2298765.23	609373.84			
			2299112.47	609362.43			
			2299074.23	608471.58			
			2299944.98	607778.26			
			2299930.45	607720.11			
			2299940.75	607670.05			
2	Khu vực dự án đầu tư XD và KD cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Cảng cửa ngõ quốc tế- DEEP C3		2299753.78	617293.07	+ 3,5 m (cao độ hải đồ)	206	4.056.364
			2299793.68	618503.18			
			2299492.55	618686.63			
			2300088.85	619685.40			
			2300855.84	619227.64			
			2301017.40	619498.35			
			2301078.58	619461.81			
			2300517.70	618088.80			
2300673.39	617264.18						

STT	Địa điểm đổ chất nạo vét	Tọa độ các điểm góc (*)		Giới hạn cao độ đổ	Diện tích (ha)	Trữ lượng tiếp nhận (m <sup>3</sup> )
		X (m)	Y(m)			
3	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và khu phi thuế quan Xuân Cầu	2299542.34 2299250.72 2299798.45 2299549.45 2298343.97 2298865.33	620010.57 619528.45 619208.14 618798.27 619534.85 620414.27	+3.5m (cao độ hải đồ)	100	2.153.624
4	Dự án Đầu tư xây dựng “Khu đô thị và dịch vụ Tràng Cát”	2301482.76 2300893.93 2299149.78 2300201.81 2299800.10 2299760.00 2299405.76 2299656.06 2299947.42 2300129.75 2300498.00 2300553.04 2300667.51 2300880.60 2301075.92 2301223.56 2301344.62	605824.94 606298.14 603955.69 605974.42 606579.20 606140.89 605698.99 605506.52 605203.75 604880.46 604461.16 604498.08 604331.14 604367.07 604463.84 604599.34 604805.22	+3.1 m (cao độ hải đồ)	230	6.000.000

Ghi chú: (\*) Tọa độ các điểm góc sử dụng Hệ tọa độ Quốc gia VN-2000, kinh tuyến trục 105<sup>0</sup>45', múi chiếu 3<sup>0</sup>.